

Bản án số: 441 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2022
“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**; bà **Nguyễn Thị Thanh Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Ông Cù Ngọc Thịnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 230/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2022

1. Nguyên Đơn: Chị **Bùi Thị Hồng L** – sinh năm 1992.

2. Bị đơn: Anh **Đậu Đức T** – sinh năm 1989.

Đều ĐKKHKT: số nhà X, tổ Y, khu TM, thị trấn XM, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị L.

Vắng mặt: Anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2022, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Bùi Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Đậu Đức T** tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 07/8/2014 tại UBND thị trấn XM, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì mâu thuẫn phát sinh về kinh tế và quan điểm sống khác nhau. Hai vợ chồng chị đã ly thân từ tháng

4 năm 2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi con.

Hiện nay anh T đã đi vào Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hộ khẩu vẫn ở Tổ Y, khu TM, thị trấn XM, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, trong nhà có mẹ đẻ anh T là bà Đinh Thị H sinh năm 1955. Bà Hà có ĐKKHKT tại số nhà X, tổ Y, khu TM, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Đậu Đức K, sinh ngày 17/10/2014, hiện tại cháu K đang đi học và ở với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K và không yêu cầu anh T chu cấp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Đậu Đức T vắng mặt tại nơi cư trú do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

*** Bà Đinh Thị H (mẹ đẻ anh T) trình bày:** Anh T đang ở Sài Gòn làm ăn, địa chỉ chính xác thì bà không biết. Anh T đi vào đó từ khoảng tháng 7 - 8 năm 2021 và không liên lạc về gia đình. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 230/TB-TLVA ngày 23/5/2022 qua đường bưu điện nhưng bà không liên lạc được với anh T nên cũng không thông báo được với anh T. Khi nào bà liên lạc được với anh T thì bà sẽ thông báo.

Về mâu thuẫn giữa chị L và anh T thì bà cho rằng do chị L mãi chơi, hay sử dụng điện thoại, không quan tâm gia đình nên anh T bức tức ném điện thoại của chị L, vợ chồng mâu thuẫn không nói chuyện với nhau. Thời gian mâu thuẫn khoảng tháng 1 - 2 năm 2021, sau đó chị L bỏ nhà đi, anh T không thấy vợ về nên đến khoảng tháng 7 - 8 năm 2021 thì cũng đi làm ăn xa. Chị L cũng đưa con đi ở riêng, chỉ thỉnh thoảng đưa con về thăm bà.

Trước đơn ly hôn của chị L với anh T, quan điểm của bà là tùy thuộc vào quyết định của chị L vì đây là hạnh phúc riêng của vợ chồng anh T và chị L. Chị L và anh T thì vợ chồng có 01 con chung là cháu Đậu Đức K, sinh ngày 27/10/2014. Hiện tại cháu K đang ở cùng chị L. Theo quan điểm của chị L muốn nuôi dưỡng cháu K thì bà cũng đồng ý vì anh T hiện đang đi làm ăn xa, không có ở nhà và bà thì già yếu không nuôi được cháu K.

*** Nguyện vọng con chung:** Cháu Đậu Đức K có nguyện vọng muốn ở cùng

với mẹ là chị Bùi Thị Hồng L.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị được ly hôn với anh Đậu Đức T và xin nuôi cháu Đậu Đức K sau khi ly hôn; không đề nghị anh T cấp dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị L được ly hôn anh T. Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Đậu Đức K cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị Hồng L có đơn khởi kiện đối với anh Đậu Đức T về việc xin ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn, nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – anh Đậu Đức T không sinh sống tại khu TM, thị trấn XM, huyện Chương Mỹ; anh T và gia đình anh T không cung cấp địa chỉ chính xác nơi anh T đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh và do anh T hiện vẫn có hộ khẩu thường trú tại khu TM, thị trấn XM, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn – Anh Đậu Đức T: Do anh T và gia đình anh T không cung cấp địa chỉ chính xác nơi anh T đang sinh sống tại thành phố Hồ

Chí Minh nên thuộc trường hợp anh T cố tình giấu diếm địa chỉ. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không có ý kiến, quan điểm gửi về Tòa án huyện Chương Mỹ trước yêu cầu khởi kiện của chị L. Anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt của anh Đậu Đức T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng L và anh Đậu Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/8/2014 tại UBND thị trấn XM, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của chị Bùi Thị Hồng L và bà Đinh Thị H (mẹ đẻ anh T), Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng chị L và anh T đã xảy ra mâu thuẫn do kinh tế gia đình và bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 04/2021 đến nay. Anh T đã vào thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, không liên lạc về nhà; còn chị L cũng chuyển đi nơi khác sống cùng cháu K. Điều này thể hiện anh T, chị L đã không chủ động liên lạc với nhau để cải thiện tình cảm, hạnh phúc gia đình, không tìm được nói chung. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh T có một con chung là cháu Đậu Đức K, sinh năm 27/10/2014.

Xét nghĩa vụ nuôi con chung sau khi ly hôn thì thấy: Chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung; nguyện vọng của các cháu Đậu Đức K cũng muốn ở với mẹ là chị L. Anh T không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung trước yêu cầu xin ly hôn của chị L. Mặt khác, cháu K đang ở với chị L và học tập tại thị trấn XM, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Để ổn định cuộc sống, học tập và theo nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Đậu Đức K cho chị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Bùi Thị Hồng L được ly hôn với anh Đậu Đức T.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Hồng L và anh Đậu Đức T có một con chung là cháu Đậu Đức K, sinh năm 27/10/2014.

Giao cháu Đậu Đức K cho chị Bùi Thị Hồng L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Đậu Đức T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Hồng L phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2020/0075924 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 23/5/2022.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND thị trấn XM (Số 106/2014);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai